

## SỬ TRUYỆN VỀ CÁC VỊ CAO TĂNG ĐẾN THIÊN TRÚC CẦU PHÁP THỜI ĐẠI ĐƯỜNG

QUYỂN HẠ

Quyển này có mười lăm người, hiệp chú và lại xếp vào Truyện Nam Hải.

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh soạn.

### \* *Pháp sư Đạo Lâm*

Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh Châu, tiếng Phạm là La-bát-phả, đời Đường gọi là Giới Quang. Vào độ tuổi hai mươi thoát ly trần tục, khi đến tuổi trưởng thành thì tìm cầu bạn tốt, thầy hiền để tìm chân lý, nghiên cứu luật tạng nên giới châu được sáng tỏ, tu thiền để lắng nước tâm, bảm tánh hiền lương khí chất liêm khiết, gội dòng suối trong để tiêu điều tâm chí, rửa nước suối ngọc để nuôi dưỡng tánh linh, thường ngồi thiền không nằm, ngày ăn một bữa. Sau đó, buồn thương cho giáo pháp truyền sang Đông Hải trong thời gian khá lâu mà Thiên tông mới nhập, luật điển lại thiếu, ngài muốn tìm về nguồn cội sâu xa ở Tây quốc, nên bèn chống tích trượng vượt đường xa dong thuyền về biển Nam, vượt qua Đồng Trụ để đến Lang-ca, băng qua Ha-lăng rồi đến nước Kinh Lỗa. Ngài đến đâu các quốc vương cũng cung kính tiếp đãi rất nồng hậu, ân cần. Trải qua mấy năm ngài đến nước Đam-ma-lập-để thuộc Đông Ấn, ở đó trong ba năm để học tiếng Phạm. Lúc đó xả giới rồi thọ lại, học Nhất thiết hữu bộ, chẳng những học luật mà còn gồm cả định tuệ, có lúc cũng đam mê chú tạng. Sau đó ngài tham quan xứ Trung Thiên đánh lễ Thánh nghi Bồ-đề ở ngự tòa kim cương, rồi lại đến chùa Na-lan-đà nghiên cứu kinh luận Đại thừa, say mê Câu-xá. Suốt mấy năm ngài đi hết các nơi như Thứu Lãnh, Trượng Lâm, Sơn Viên, Hạc Thọ chiêm ngưỡng tử mi từng nơi một, rồi lại đến các nước thuộc miền Nam Thiên-trúc để tìm hiểu sâu tầm huyền lý rồi về miền

Tây Ấn nước La-trà ở đó mấy năm, sau đó lập long đàn thọ lại minh chú. Có lần ngài thử luận rằng: Minh chú, tiếng Phạm là Tỳ-đê-đà-la-tát-đặc-gia.

Tỳ-đê dịch là minh chú,

Đà-la là trì, Tát-đặc-gia là tạng, hợp lại là Trì minh chú tạng.

Tương truyền Minh chú tạng này trong bản Phạm có mười muôn bài tụng, đời Đường dịch thành ba trăm quyển, hiện giờ tìm lại phần nhiều thất lạc, còn lại số ít. Lúc bậc Đại thánh mất đi thì A-li-dã-na-già-hạt-thọ-na tức Bồ-tát Long Thọ là người đặc biệt tinh ròng tư tưởng này. Sau đó đệ tử Ngài là Nan-đà thông minh học rộng thẩm xét pháp yếu đó. Ngài ở lại Tây Ấn khoảng mười hai năm, chuyên tâm trì chú liền có cảm ứng, mỗi khi đến giờ ăn thì thức ăn từ trên hư không rơi xuống. Ngài lại tụng chú cầu bình như ý, chốc lát thì đạt được, cho nên ngài được sự an vui trong chiếc bình, không vì chú hết thì chiếc bình ấy sẽ bỏ đi, cho nên Pháp sư Nan-đà sợ minh chú tản thất, bèn sưu tập thành mười hai ngàn bài tụng, trở thành một pháp sư nổi tiếng. Trong mỗi bài tụng, văn chú ẩn ly hợp, dù nói đồng chữ đồng thật mà nghĩa khác, dụng khác, vốn chẳng phải truyền nhau bằng miệng nên không do giải ngộ thì cũng vô phần. Sau đó Luận sư Trần-na thấy sự biên soạn vô cùng công phu và rất khéo léo của một bậc kỳ tài ấy bèn khen rằng: “Ta đâu sánh được với bậc vĩ nhân ấy, quả là bậc hiền chí ý sáng tỏ”. Cho nên biết bậc Trí sĩ biết được sự độ lượng của mình, kẻ ngu mê mở sự cạn sâu của người khác. Tạng chú này chưa truyền bá, ở Đông Hạ. Vì vậy mà ngài Đạo Lâm để tâm vào pháp nhiệm mầu này. Cho nên tạng chú nói: “Lên cõi trời nhưng rỗng sai khiến trăm thần, Đạo lợi sinh chỉ có chú là thân thiết”. Ngài Nghĩa Tịnh ở chùa Na-lan-đà cũng nhiều lần vào đàn tràng chú tâm vào pháp yếu này mà công phu ấy không trọn vẹn, thế là đành dứt bỏ ý tưởng ấy mà mở rộng sự thấy nghe, tạm nêu lên cương mục. Ngài Đạo Lâm liền từ Tây Trúc về Bắc Thiên tham quan Yết-thấp-di-la rồi đến nước Ô-trường na. Tham quán thiên môn, suy tìm Bát-nhã, sau đến nước Ca-tát-thí, lễ Ô-suất-ni-sa (tức xương cốt của Phật). Từ đó về sau chẳng biết ngài ở đâu. Ngài Nghĩa Tịnh về nước Yết-trà ở Nam Hải có người rợ Hồ từ phương Bắc đến nói có: gặp được hai vị Tăng ở nước Hồ. Nghe nói trên đường bị giặc vây nên trở lại Bắc Thiên Trúc, ngài thọ khoảng hơn năm mươi tuổi.

**\* Luật sư Đàm Quang:**

Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh Châu, sau khi xuất gia thì

vượt đường xa đến Kinh đô. Ngài là đệ tử của Luật sư Thành, rất giỏi biện luận, lời văn sâu sắc, học cả nội ngoại điển, giới hạnh thanh bạch trang nghiêm. Ngài đi về phương Nam, đến Bột Hải để vọng lễ. Sư về Tây Thiên rồi đến nước ha-lợi-lê-la ở miền Đông của Đông thiên. Vào độ tuổi thành niên ngài ở đâu, hoàn toàn không biết, có lẽ lưu lạc ở sông núi.

Lại có vị tăng nước Ha-lợi-kê-la, có thuyết cho rằng: Đó là một vị tăng đời Đường. Khoảng năm năm mươi tuổi, ngài được vua kính trọng và bổ nhiệm trụ trì một ngôi chùa. Sau đó, ngài mang nhiều kinh tượng gấp rút ra đi về đến nước này, bị bệnh nặng và chôn thân nơi xứ người.

**\* Thiên sư Tuệ Mạng:**

Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh Châu, giới hạnh trong sạch, có hoài bão và tiết tháo, học cả nội lẫn ngoại điển, chí đạo chơi ở trời mây, khát ngưỡng nơi sông yên bình để nêu tưởng. Nhớ về vườn trúc để thỏa lòng, ngài bơi thuyền đến Chiêm-ba thì gặp phải sóng gió, nhiều lần chống chọi với gian khổ, sau đó đến Đồng Trụ ở Mã Vận, nghỉ ở Thượng Cảnh rồi về Trung quốc.

**\* Luật sư Huyền Quy:**

Ngài là người Giang Ninh thuộc Nhuận Châu, họ Hồ, thuộc dòng dõi tiếng tăm, là con người văn võ song toàn, chuộng nhân quý nghĩa, kính pháp trọng tăng, tiếp nối hoàng truyền, tiếng tốt chẳng mất. Luật sư xuất gia từ thuở ấu niên nên lớn lên rất được kính ngưỡng trọng vọng, cho đến tuổi thọ giới cụ tục thì lỗi lạc chẳng ai bằng, nghiên cứu khắp các bộ luật và chuyên tu thiền tịch, giới hạnh nghiêm mật, xem xét kinh điển Đại thừa và suy cứu huyền lý, văn chương lưu loát, thảo lệ rất khéo, chỉ có ba y che vai, không đắp phủ cánh tay, chỉ lấy chéo y đắp vai, vào chùa đi chân không, đi đường mới mang dép. Cho dù người bấy giờ thấy thế chê cười nhưng phẩm tiết thanh cao của ngài không hề thay đổi, không nằm mà thường ngồi, lưng chẳng dính chiếu mà ngủ yên, đi khát thực, không qua cửa quán rượu. Người lành đều yêu mến phong cách giản dị mà tri thức sâu xa của ngài. Kẻ mê tối không thấy được, cho rằng chân không dép thì đất mới có thể thấm chân trần. Than ôi bọn người này mê mờ chân lý, làm biển xanh dậy sóng chìm đắm theo thói đời. Người tỉnh trong đời đâu thể ở chung với kẻ say sưa vừa mới ở trong cảnh giới siêu thoát liền khế hợp. Điều đó làm cho con cháu ở

Nam Thượng thương xót, bạn bè ở Tam Kinh hết nơi bám víu. Thương thay cho chí nguyện không thành việc truyền pháp vẫn còn trong hoài bão chưa nêu cao được tiết tháo cao quý. Khi ngài đến Quảng châu thì bị bệnh phong, ngài bởi mắc phải bệnh này nên không toại chí nguyện cao xa, thế là ôm mối sầu hận chông tích về Ngô Sở, lúc đó ngài khoảng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi.

Sau này, sư Tăng Triết đến Tây Trúc nói: Người ấy đã mất nhưng mang chí nguyện trong lòng. Than ôi! Thật bất hạnh. Đường tốt nhiều nạn hiểm, chẳng phải luống sông, thật muốn trở về đem tư lương Phật pháp để mở mang nhưng hoài vọng không toại. Lại muốn quay về để khỏi gian nguy thì lại luống phí tắc lòng với Long Thọ, bèn than rằng: Người thanh khiết mất đi, ai sẽ kế thừa. Bất hạnh cho người mạng ngắn, ô hô thương thay. Gò cao chín nhận, một sọt là sạch. Tài giỏi mà không thật, ô hô thương thay! Hiểu thì dễ được, hành cũng khó tìm, buồn thay! Tuổi nhỏ mà nghiệp đức đều tu, ý niệm truyền đăng đã hết! Mắc bệnh thì tình thâm. Buồn thay tráng sĩ, thương thay thân mất nhưng chí nguyện truyền đăng của Sư vẫn rực sáng, tồn tại ngàn năm.

Khi ấy ngài từ già Quảng châu, lại vọng về Quế Lâm, đi ở buồn thay, tự kể để tặng cho Sư. Nêu tâm ở Phạm vũ, vận tưởng vào Tiên châu, mắc bệnh hiểm nghèo trái với đồng hảo, trầm tình thì sự trở ngại như thoát ra, lá rụng chợt khó tụ. Tình lia không thấu lại được, biết ngày nào đến lại để thấy dòng pháp tuôn

Trong niên hiệu Hàm Hanh năm đầu, tại Tây kinh, ngài nghĩa Tịnh nghe tin lúc bấy giờ Pháp Sư Xử Nhất ở tịnh bộ, Luận Sư Hoàng Huy ở Lai Châu ba mươi hai vị Đại đức cùng ngóng về Thửu Phong để nêu tâm nơi đạo thọ. Nhưng mẫu thân của ngài Xử Nhất đã lớn tuổi, đành ôm lòng luyến tiếc ở Tịnh Xuyên. Sư Huy gặp ngài Huyền Chiêm ở Giang Ninh, thế là chuyên tâm vào An Dưỡng. Ngài Huyền Quỳ đến Quảng Phủ rồi lại bị trái với nguyện ban đầu, đành phải đi với tiểu tăng Thiện Hạnh ở Tấn châu. Bạn cũ của Thần châu vốn đã tan rã nhiều nơi, Ấn-độ thì mới biết, mờ mịt không hiểu, bấy giờ ai nấy do dự khó định tôi bèn làm bốn câu thơ để giải sầu. Thơ rằng:

*Tôi đi mấy muôn dặm  
Chất chồng trăm mối sầu.  
Ai bảo thân sáu thước  
Một mình đến Ngũ thiên.*

Lời trên có lẽ vượt hơn thầy, bậc chí sĩ tao nhã khó đổi thay, nhưng tiếc rằng mạng ngắn đâu được lâu dài.

Lúc ấy, vào niên hiệu Hàm Hanh thứ 3, Sư nhập hạ ở Dương phủ.

Đầu Thu bỗng gặp sứ quân Phùng Hiếu Thuyên ở Cung Châu đến Quảng Châu và cùng đi về Nam với thuyền chủ nước Ba-tư. Rồi được sứ quân bảo đến Đồng Châu, lại làm đàn chủ và em là sứ quân Hiếu Đản, sứ quân Hiếu Chấn, quận quân họ Ninh, quận quân họ Bành, v.v... cùng bà con đều được sự ban tặng, tranh nhau tế dâng để xả xui, ngõ hầu của Cấp-cô-độc không có sự trở ngại ở đường biển thì cũng sợ có nguy hiểm trên đường bộ. Dốc lòng ban ân tuệ, như người thân, thuận theo tâm ban phát cho kẻ cô độc. Cùng nhau quy y để đồng duyên thắng cảnh, cho nên chí thành đánh lễ, có lẽ là công sức của họ Phùng, vả lại pháp tục ở Lĩnh Nam đi hay ở cùng một tâm trung thật, các bậc anh tài ở phương Bắc đều ôm mối hận sống mà phải chia lìa. Đến tháng 11 tôi nương Hiếu Chấn quay về Phiên ngung, chỉ tay về vườn Nai mà lòng dằng dặc, nhìn về núi Kê mà dạ bồi hồi. Lúc ấy, trời đất bao la hướng về phương Đông thì Bách Trượng đã theo hài. Lìa lễ nghĩa mà sáng lập tiết tháo, bỏ huyền tố đơn phi, ngũ lưỡng xẻ dọc biển lớn, dường như sóng núi vắt ngang biển. Khởi thông thác cả, như sóng mây ngất trời, chưa được hai tuần thì đã đến Phật Thệ. Ở lại đó một thời gian khoảng sáu tháng học dần với các bậc cao minh. Vua ban tặng cho những vật cần dùng rồi tôi tiến về nước Mạc-la-du. (Nay là Thất-lợi-phật-thệ). Lại ở đó hai tháng rồi quay về Yết-trà. Đến tháng 12 tôi căng buồm lên thuyền vua về Đông Thiên. Từ nước Yết-trà đi về phương Bắc hơn mười ngày đến nước lỏa thể, từ đó hướng về phía Đông chừng một, hai dặm đường nữa. Chỉ thấy cây Da tử, rừng Tần lang sâm uất đáng yêu. Người ở xứ đó họ thấy thuyền đến bèn tranh nhau đem cả trăm chiếc thuyền nhỏ để đón, họ đều đem theo chuỗi Lang tử, bình trúc đựng nước để trao đổi. Vật mà họ thích nhất chỉ có sắt lớn bằng hai ngón tay, đổi được năm hoặc mười cây long tử. Đàn ông thì trần truồng, phụ nữ thì dùng miếng lá che thân. Các người đi buôn mỉm cười rồi đưa áo quần cho họ, nhưng họ khoát tay tỏ ý không cần. Tin đồn nước này giáp với phía Tây nam Thục Xuyên. Nước này vốn không sản xuất sắt, cũng khan hiếm vàng bạc. Chỉ ăn quả Lang tử và rễ chứ không có lúa gạo nhiều. Vì thế họ rất quý Lô-a (tức là sắt). Người dân da không đen, chiều cao trung bình. Họ đan giỏ mây tròn rất đẹp, xứ khác không thể sánh được, nếu không trao đổi thì họ sẽ bán tên độc, người nào bị trúng thì không còn cách nào chữa trị. Đến đây khoảng nửa tháng tôi bắt đầu muốn đến Tây Bắc, đến nước Đam-ma-lập-đế, là miền đông của Đông

Ấn, cách Mạc-ha Bồ-đề và Na-lan-đà hơn sáu mươi trạm dịch. Ở đây lại được gặp các sư Đại thừa. Ở đó một năm, học tiếng Phạm và Thanh luận, rồi sau đó đi về phía Tây với sư Đại Thừa Đăng và mấy trăm người đi buôn đến Trung Thiên. Ở Mạc-ha Bồ-đề chừng mười ngày rồi qua núi lớn trên con đường hiểm nạn khó thông, phải nương nhiều người chứ không thể đi một mình. Lúc ấy, gặp nạn dịch, bị bệnh phong cùi, cầu những người đi buôn cứu không kịp. Tuy cố gắng hết sức mình đi chừng ba dặm nhưng tôi cũng hết sức. Khi ấy có khoảng hai mươi vị Tăng chùa Na-lan-đà cùng đi trước với tăng, Đại Thừa Đăng chỉ còn tôi một mình một bóng trên đường hiểm. Trời chạng vạng thì giặc núi kéo đến, chúng giương cung la lớn bảo đến chỗ chúng, trước hết chúng cởi áo trên rồi tụt y dưới. Đấy mang theo không có gì cũng tước đoạt hết. Ngay lúc ấy tôi thật sự chán nản nhân tình thế thái không còn tâm trí nào để lễ bái tham kiến nữa. Thân thể không còn nghiêm trang, cho nên không toại nguyện xưa. Lại, tương truyền ở nước kia, nếu bắt được người da trắng thì đem giết tế trời. Nghĩ đến thuyết này tự nhiên lòng nghĩ mông lung, bèn xuống vũng bùn nhuộm hết thân thể, dùng lá cây che người rồi chống gậy đi chậm chậm, ngày rồi đến đêm, đi mãi như thế mà nơi tạm dừng chân vẫn còn xa. Đến canh hai nửa đêm mới gặp bạn bè, nghe tiếng gọi lớn ở ngoài thôn của ngài Đại Thừa Đăng, tôi bèn vào đó, Thiền sư đưa cho chiếc áo, xuống ao tắm gội sạch sẽ rồi mới vào thôn. Từ đây đi về phía Bắc mấy ngày, trước hết đến Na-lan-đà lễ tháp Căn Bản, kế là lên núi Kỳ-xà-quật thăm chỗ cất y, sau đó đến chùa Đại Giác lễ chân dung Phật, đạo tục ở núi Đông biểu tặng lụa vải, tôi đem may theo lượng y ca-sa của Như Lai, trình lên Phật rồi đắp mặc. Luật sư Huyền ở Bộc Châu đem mấy muôn áo lụa đem dâng lên Thiền sư Đạo An ở Tào Châu để gửi lễ cúng tượng Bồ-đề. Thế rồi tôi năm vóc lễ Phật một cách chí thành, trước hết vì bốn ân ở Đông Hạ, cùng khắp pháp giới hàm thức, nguyện gặp Đức Di-lặc trong hội Long Hoa, đồng thời khế hội chân tông, đắc Vô sinh nhẫn. Tiếp theo tôi lễ khắp các Thánh tích và phương tượng, rồi đến Câu-thi-na, hết sức kính phục ở đó, rồi vào vườn Nai qua Kê lãnh. Cầu kinh tại chùa Na-lan-đà hơn mười năm, vừa mới quay gót nói trở về nước Đan-ma-lập-đề thì giữa đường gặp bọn giặc cướp, chỉ tránh được họa đao búa, giữ được mạng mong manh. Thế rồi lên thuyền đến nước Yết-trà, đem theo hơn năm mươi bài tụng trong Ba tạng bản Phạm, về Trung quốc dịch khoảng một ngàn quyển, nhưng bị kẹt lại ở Phật-thệ.

**\* Sư Thiện Hạnh:**

Sư là người Tấn Châu, thuở nhỏ từ già què hương tìm đạo ở Đông Sơn, lớn lên học luật nghi và để tâm nghiên cứu minh chú. Tính ngài khiêm cung, từ tốn thương người, là đệ tử ngài Nghĩa Tịnh. Sau đó, ngài theo thầy đến Thất-Lợi-Phật-thệ và có tâm muốn đến Trung Thổ, nhưng vì mắc phải bệnh nặng không chữa được, nên đành quay về, lúc đó ngài chừng ba mươi tuổi.

**\* Sư Linh Vận:**

Sư là người Tương Dương, tiếng Phạm là Bát-nhã-đề-bà, chí khí ngay thẳng, có tâm xuất tục. Ngài cùng đi tìm Thánh tích với ngài Tăng Triết, vượt qua Nam Minh đến Tây Thiên, lão luyện tiếng Phạm, có hoài bão lợi sinh, đi đến đâu cũng được vua chúa cung kính. Ngài ở chùa Na-lan-đà họa tượng Bồ-đề và chân dung Bồ-tát Di-lặc, kích thước bằng nhau, công phu khéo léo hơn người, rồi đem về Trung quốc làm Phật sự, phiên dịch Thánh giáo thật tài giỏi.

**\* Thiên sư Tăng Triết:**

Ngài là người Lã Châu, thuở nhỏ khí tiết cao vời, sớm nương huyên môn, và có căn cơ giải ngộ, quả thật có sự mầu nhiệm của quán đảnh, bàn luận sắc bén, được đại chúng kính phục, nghiên tằm nơi vườn luật, khống chế cả ruộng thiền. Hai môn Trung, Bách từ lâu đã nắm giềng mối, hai sách Trang, Lưu đã nằm lòng then chốt, muốn chiêm ngưỡng Thánh tích nên lên thuyền đến Tây quốc. Lúc đến Tây Thiên rồi ngài tùy duyên du hóa. Đến lễ các nơi xong ngài quay về Đông Ấn, đến nước Tam-ma-đán-thát, vua nước đó tên là Hạp-la-đổ-bạt-thát, vị vua này rất kính Tam bảo, là vị Đại Ưu-bà-tắc, chí thành tin tưởng rực sáng xưa nay. Mỗi ngày nắn tượng Thát-mô-nê cả mười muôn pho, đọc Đại Bát-nhã cả mười muôn bài tụng, đích thân dâng cúng mười vạn bông tươi. Sửa soạn trai nghi thiết lễ và người giúp đem tượng Quán Âm đặt trên xa giá, cờ xí trống nhạc rền cả hư không, tượng Phật tăng chúng dẫn đường phía trước, vua đi phía sau. Tăng ni trong thành khoảng bốn ngàn người, đều được sự cúng dường của vua. Sáng nào cũng sai sứ vào chùa chấp tay đứng trước phòng vấn an sức khỏe “Đại vương kính thăm Pháp sư, v.v... đêm qua có được an vui không”.

Tăng đáp: “Mong cho Đại vương sống lâu không bệnh, xã tắc an ninh”, Sứ trở về báo xong vua mới bàn việc nước, năm xứ Thiên trúc có những vị đại đức trí Thắng-man rộng biện tài, học hết mười tám bộ

kinh, thông giải năm minh đại luận đều nhóm họp ở nước này, vì vua nước này nhân từ, tiếng tăm vang khắp thiên hạ. Ngài Tăng Triết ở trong chùa của vua này rất được sự đãi ngộ đặc biệt, chú tâm vào bốn Phạm ngày ngày tinh tấn, mai này không còn gặp nhau nữa. Tương truyền ngài ở đây vào những năm bốn mươi tuổi. Đệ tử Ngài là Huyền Du, là người Cao-ly theo thầy xuất gia ở nước Sư Tử rồi ở lại nước đó.

Như trên là năm mươi vị.

**\* Luật sư Trí Hoàng:**

Ngài là người Lạc dương, tức là cháu của Đại sứ Vương Huyền Sách đi sứ Tây Vực. Ở độ tuổi thanh xuân thì đã nhàm chán cuộc sống, nhàn nhã, ý xem thường cuộc sống sung túc mà mang hoài bão xuất du. Ngài bèn tìm đến núi Thiếu Lâm, ăn mặc đơn giản, thích tụng đọc kinh điển, lại có tài văn chương. Sau đó, ngộ ra sự nhộn nhịp ồn ào nơi đô thị, mền cảnh thanh vắng của pháp môn, nên Sư bèn từ giã chốn Bát thủy mà đến Tam Ngô, bỏ quần là áo lụa, khoác áo nâu sồng. Thờ Thiên sư Tha làm thầy, lãnh thọ ân tuệ của thầy chẳng được bao lâu thì dường như huyền quan. Sư lại đến chỗ Thiên sư Nhân ở Trác Châu tụ lại thiền định. Gốc lành tuy đã trồng, nhưng cành nhánh chưa cao. Sư bèn đến Tương xuyên lên Hoành Lĩnh, đến Quế Lâm để tịnh niệm, đến U Tuyền để dưỡng tâm, lại trải qua mấy năm nương Thiên sư Tịch để y chỉ, tham quan cảnh kỳ vĩ của núi sông, thưởng thức vẻ thanh thoát của rừng núi bạt ngàn. Ngài bèn hươ bút vẽ lại những cảnh u lệ của núi rừng, bày tỏ nỗi lòng viễn du. Khi đã thưởng thức hết pháp tượng vùng Tam Ngô, ngắm hết những tòa báu, tham bái hết các thiện hữu ở Cửu Giang, nghiên tầm lý mâu, nhưng đó là do gốc lành đã trồng nhiều đời chứ không phải do sức cố gắng của con người. Xuất thân từ trong phủ nên muốn chiêm lễ ở Tây Vực, ngài may mắn khế hợp với Thiên sư Vô Hành, đến hợp phố lên thuyền, tiêu diêu giữa biển khơi, chẳng may gặp gió nên trôi giạt đến Thượng Cảnh, lại đến Giao Châu, ở đó một mùa hạ. Đến cuối mùa đông năm đó ngài lại đến Thần Loan ở Hải Tân. Theo thuyền về Nam, đến nước Thất-lợi-phật-thệ. Tất cả lịch trình ngài đi qua có chép rõ trong Tự Truyện của Thiên sư Hành. Ngài đến chùa Đại Giác ở đó hai năm, chiêm ngưỡng dung nhan một cách chí thành cung kính, tụng đọc phạm bản bất kể thắp ngày, rất giỏi Thanh luận, có tài về Phạm thư, học luật nghi, tập đối pháp, đã thông thạo luận Câu-xá lại giỏi Nhân Minh, đọc tụng thông suốt kinh Đại thừa ở chùa Na-lan-đà. Ở đạo tràng Tín Giả ngài chuyên tâm nghiên cứu



Tiểu thừa. Khi thành tựu danh đức, ngài lại tắm mình trong luật nghi, cố gắng siêng năng chẳng rời tác bóng, học các kinh luật của Luật sư Đức Quang biên soạn. Theo sự thấy nghe và học hỏi đó nên có một công phu sâu dày, khéo gìn giữ giới luật không hề thiếu phạm mảy may, thường ngồi không nằm, biết đủ các thanh liêm, kính trên nhường dưới và càng kính trọng các Trưởng lão. Khi thì ngài đến non Thửu thành Vương-xá, lại đến vườn Nai, rừng Kỳ thọ, am vườn, núi hang ở Thiên Giai tỏ bày tâm khát tưởng, đồng thời khế hợp với nỗi lòng sâu kín. Mỗi khi nhận y bát dư ngài thường nghĩ đến việc giúp đỡ. Ở chùa Na-lan-đà ngài cúng dường khắp. Ở thành Vương-xá đem bát cúng dường thường trụ. Ngài ở lại Trung Ấn gần tám năm. Sau đó, đến Bắc Thiên trúc, ở nước Yết-thấp-di-la, muốn về quê cũ. Tương truyền ngài làm bạn với Đạo Lâm, không biết nay ngài ở đâu, nhưng công trình phiên dịch của ngài thì thành tựu mỹ mãn.

**\* Thiên sư Vô Hành:**

Sư là người Giang Lăng ở Kinh Châu, tiếng Phạm là Bát-nhã-đề-bà, đời Đường dịch là Tuệ Thiên, tánh tình phóng khoáng, phẩm chất ôn hòa, ý chuộng nhân đức, chí hướng nơi mây ngàn. Tuổi còn thơ bé mà đã dẫn thân khắp sông núi. Khi đến tuổi trưởng thành thì mong hoài bão chốn thiền lâm, lại xót xa rơi lệ thương các ngư dân, thợ săn. Vứt bỏ những vẻ đẹp ở chân vọng, dẹp trừ cảnh hùng vĩ ở làng xóm đương thời đức hạnh xán lạn, soi dòng Tam giang để bày vẻ duyên dáng, gọt tướng ở suối thơm, tắm nước bảy lòng mà tiêu điều ở sông nước. Nhờ duyên xưa mà cảm ứng qua hiện tiền, mong mỗi pháp môn để tâm trọng lý mâu. May mắn gặp năm người độ, nương ở các đạo tràng. Sau đó mở ra đế môn, thấm nhuần bạn pháp, thờ Pháp sư Tuệ Anh chùa Đại Phước Điền làm Ô-ba-đà-là (đời Đường dịch là Hòa-thượng thân giáo sư). Đó chính là bậc thượng túc của Pháp sư Cát tạng, có thể nói đó là bậc thạch đức truyền đăng. Vốn dĩ đời không thiếu bậc hiền tài, thế rồi Sư để tâm vào Bát-nhã, nương chí chốn Thiền lâm, rời bỏ thế gian để ngao du chốn sông núi. Mỗi khi bàn lý mâu thì nêu bày những nghĩa lý sâu kín. Tuy tuổi trẻ trung mà khát vọng phía trước cho đến lúc thọ giới cụ túc cùng đàn với hơn hai mươi người, tụng giới hợp ý lại rất lưu loát, đáng được gọi là bậc thượng thủ, không ai sánh bằng, sau đó ngài ẩn cư trong núi, đọc kinh Pháp Hoa, không đầy một tháng thì hết cả quyển (trọn bộ bảy quyển). Ngài khen rằng: Nói về người tìm nôm là muốn được cá, người cầu lời là muốn đạt nghĩa mâu, ta phải tìm những bậc thầy giỏi để xem

xét tâm thần, khởi phát định môn để dứt phiền não. Thế là ngài chống trượng đến Cửu giang và băng qua Tam Việt, đến xứ Hoàn khâu, rồi ở Kim lăng, thả lòng chốn Tung Hoa, hét lớn nơi Thiếu thất. Rửa chân nơi tám thủy, giữ áo chốn Tam xuyên, ý muốn cầu thiện tri thức, muốn phát huy định môn để về phương Bắc tìm tòi những lẽ sâu mầu của thiền định với ngài Trí Giả. Muốn mở mang giới học môn nên quay về đông, nghiên tâm điền thuần túy của giới với luật sư Đạo Tuyên, tham dự những buổi giảng kinh luận mới cũ, khảo sát những phép tắc từ xưa đến nay Mênh mông thay sóng cả, muôn khoảnh cao ngất. Bờ bến nghìn dặm làm bạn với ngài Trí Hoàng, lên thuyền về đông một tháng đến nước Thất-lợi-phật-thệ. Vị vua nước này kính trọng, tiếp đãi nồng hậu hơn người thường, trải hoa vàng, rải lúa vàng, cúng dường bốn thứ cần dùng, năm canh thưa hỏi, gặp được bậc Đại tăng từ chỗ vua Đường đến càng tỏ ra kính phục. Sau đó ngài nương thuyền vua đến Châu Mạt-la-du khoảng mười lăm ngày. Lại đi tiếp mười lăm ngày nữa đến nước Yết-trà quốc. Đến cuối đông thì quay thuyền trở về Tây, suốt ba mươi ngày đến Na-già-bát-đàn-na, bơi thuyền về châu Sư tử hai ngày, tham lễ rặng Phật. Từ đây đi thuyền về đông một tháng đến nước Ha-lợi-kê-la. Nước này thuộc ranh giới phía đông của Đông Thiên-trúc, tức là lãnh thổ của Châu Thiệm-bộ. Ngài dừng lại đây một năm rồi đi lần về Đông Ấn, thường theo ngài Trí Hoàng. Tại đây cách chùa Na-lan-đà khoảng một trăm dặm đường. Khi nghỉ ngơi xong lại đến chùa Đại Giác. Nhờ quy chế quốc gia quy định ai vào chùa đều là chủ nhân. Vì chủ nhân Tây quốc hơi khó được. Nếu được chủ thì các việc khác đều giống như vậy, làm khách chỉ ăn mà thôi. Sau đó ngài về Na-lan-đà, nghe Du già, học Trung quán, nghiên cứu Câu-xá, tham cầu sách luật, lại ở chùa Yết-la-trà. Cách đây hai dịch, xứ ấy có vị Pháp sư rất giỏi Nhân minh, nhiều lần học giáo nghĩa của ngài Trần-na, trên pháp tòa chẳng những thâm nhập cửa huyền mà còn phá vỡ then chốt. Ngài thường đi khát thực nuôi thân, ít muốn biết đủ, các căn vượt thoát ngoài vật, thường nhân lúc rảnh rỗi dịch kinh của ngài A-cấp-na, thuật lại việc Như Lai Niết-bàn, lược làm ba quyển, đã mang về Trung quốc, đó là xuất xứ từ Nhất Thiết Hữu Bộ.

Nói về những điều trong đó thì chẳng giống với điều mà ngài Hội Ninh đã dịch lời mà ngài Vô Hành đã nói ngài muốn ở lại Tây Thiên, còn đạo lại có ý ở Thần châu, muốn từ Bắc Thiên trở về quê cũ. Ngày đó, ngài Nghĩa Tịnh tiến nhau ở Na-lan-đà. Đi đến phía Đông chừng sáu dặm thì mỗi người đều mang mối sêu chia biệt, cả hai đều mong

gặp lại. Hai người bù ngùi rơi lệ chia tay, lúc đó năm mươi sáu tuổi. Và lại, bảm tách của ngài chuộng khâm lễ, nên thường ví mình được thấy cây giác mới nảy lộc, tắm gội ở Long Trì, Trúc uyển vàng rực, bẻ hoa ở Linh Thứu. Trong hai thời này đều là tiết hội lớn, không gian gần nhau nên đạo tục đều thấy cây Bồ-đề. Lại ở núi Linh Thứu vào lúc này có hoa vàng lớn như bàn tay, thật giống màu vàng người ta bẻ nó về dâng cúng, nên lúc này ở núi Di phú tạm gọi nó là hoa xuân nữ. Có một lúc cùng Thiền sư Vô hành dạo chơi ở Linh Thứu, chiêm bái xong rồi nhìn về quan ải không tả hết nỗi ngậm ngùi. Nghĩa Tịnh tôi xin nói sơ về nỗi hoài cảm của mình như vậy. Trong đoạn thơ có nhiều câu rằng:

*“Thăm qua đỉnh Kỳ sơn  
Rơi lệ thành vua xưa  
Muôn năm ao vẫn sạch  
Nghìn năm rừng vẫn xanh  
Phảng phất bóng in đường  
Đạp qua bao núi lớn  
Tiên đài bảy báu phai dấu cũ  
Bốn màu hoa trời bật tiếng mưa  
Hoa bay tiếc sinh ra thời muộn  
Đã thương ở nhà lửa huyễn hóa  
Vẫn than cõi tạm đấm đất bằng  
Cất bước trông biên ải  
Tâm đạo trên sóng trào  
Nau nấu bến tà đim ba cõi  
Mờ mịt muôn phẩm chôn thật hình  
Chỉ có Năng Nhân mới viên ngộ.  
Quét trần lắng sóng mở đường huyền.  
Gặp thời đói khát bỏ thân nước  
Lại vì tìm thấy nên khéo thí  
Giữ phao nổi hợp với giới châu.  
Phòng giữ yếu tâm mặc áo nhẫn.  
Ba kỳ chẳng mới lập hai thừa.  
Cất bước quên mệt vượt chín số.  
Định lắng sông xanh gội não phiền  
Trí bén chặt băng vỡ thành sương  
Vô biên đại kiếp nguyện tu hết  
Sáu thời chuyên tâm theo sáu độ  
Độ có thực hành công đức sinh.*

Sông Hằng quy tịnh về thường trụ  
 Kê lâm quyền xướng diễn công xong  
 Thánh chúng truyện xưa còn vang tiếng  
 Mật điển cung rộng giấu biển sâu  
 Lời vàng hang đá muôn nơi ngưỡng  
 Từ đây dòng pháp chảy  
 Truyền cho muôn đời sau  
 Cát sông đỉnh tuyết quên đường tắt  
 Biển cả thác ghềnh loạn bến mê Vào  
 trong muôn chết cầu phần sống.  
 Đứng vững đầu kim cũng chẳng bằng  
 Buộc ngựa treo xe không sánh kịp  
 Chẳng màng đời này vui  
 Chẳng cầu đời sau sướng  
 Thệ bỏ thân nguy tìm thắng nghĩa  
 Chỉ mong kế hợp nguyện truyền thừa  
 Khổ vẫn hát, chẳng than van  
 Đôi mắt trông về trời Đông  
 Thao thức luyến lưu nhị tính  
 Phương Tây Lộc Uyển cách tam luân  
 Phương Bắc xá thành ao còn đó  
 Rừng núi trời Nam ai đoái trông  
 Năm núi xanh, trăm ao mát  
 Rực rỡ sắc hoa soi bốn phía  
 Ngời ngời gốc đạo chiếu ba xuân  
 Chân tính nhắm sơn A  
 Rao bước hướng Kỳ-đà  
 Nhìn đá xếp thành y của Phật  
 Lại thấy trời trao khắp muôn non  
 Lắng lòng nơi linh trấn  
 Muôn sông rộ hoa vàng  
 Đưa tay ngắt lấy  
 Hương tỏa thơm lừng  
 Điện đài bay lùi lại  
 Thêm đá bao bọc quanh  
 Ngõ hợp với sức thần  
 Dem phước mọn ấy tưới bến bờ  
 Mong cùng gặp ở Long Hoa hội.

Tại vương xá thành ở Tây vực, lòng nhớ về chốn cũ, thơ rằng:

*Buồn xa xích nhuyến  
Tắc lòng luyến lưu  
Non Lĩnh gió lạnh thổi  
Sông Long nước ngược trôi  
Vui với ngày qua sáng lại sáng  
Chợt buồn năm hết thu lại thu  
Nguyện ước Kỳ viên đã mãn  
Tắc lòng khó tỏ cùng ai  
Vác kinh chống gậy*

**\* Thiên Sư Pháp Chấn:**

Ngài là người Kinh châu, đức hạnh cao thượng, chỉ tu hạnh phước, rảo bước trên sóng thiên, nấu tâm ở biển giới, bạn pháp đáng kính, là chỗ để quay về, đọc tụng kinh luật, ẩn cư nơi thanh vắng. Sau đó muốn chiêm lễ thánh tích nên ngài có ý về Tây, cùng Thiên sư Thừa Ngô ở Đông châu, Luật sư Thừa Như ở Lương châu, học thấu cả nội ngoại điển, trí tuệ sắc bén, đức ấy chẳng những kết hợp một mình mà sau đó dắt vài người bạn ra Tam Giang, giương buồm lên Thượng Cảnh, lướt sóng đến miền Bắc Ha-lăng, đi khắp các đảo rồi lần đến nước Yết-trà. Trong lúc chưa đến thì Pháp Chấn bị bệnh rồi chết ở đó. Khoảng ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi, rồi thì một người gửi mạng ở đây, hai người kia sinh tâm nghi ngờ. Bèn theo thuyền về Đông, có ý muốn đến Giao chỉ, rồi lại đến Chiêm-ba, Thừa Ngô lại chết, người Chiêm ba đến truyền tin như vậy. Điều này chưa rõ thật hư, nhưng Thừa Như nói muốn quay về quê cũ. Dù không có kết quả đích thực nhưng vẫn khen ngợi các đức tốt đẹp của Ngài, vì sao đi ba mà chỉ còn lại một.

**\* Pháp sư Đại Luật:**

Ngài là người Lễ châu, thuở nhỏ đã nhiễm pháp môn, lớn lên lại tiết kiệm, có ý tiết chế lòng tham muốn nên lấy việc khát thực làm nhiệm vụ. Muốn lễ thánh tích nên mong đến Vương thành. Ngài thường than rằng Đức Phụ Thích-ca mình đã không gặp, ngài Từ Thị ở cung trời phải khắc vào tâm ta, vốn chẳng thấy được chân dung ở cây giác thì phải chiêm lễ thánh tích ở sông Trường.

Đâu thể thâm tính ở sáu cảnh, khát tưởng ở ba kỳ ư? Lúc bấy giờ, vào niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ hai ngài chấn tích về Nam Hải, kết bạn với các lữ khách rất đông. Nhưng đến nơi thì chỉ còn một mình tiến

bước. Thế rồi Sư đem kinh tượng theo sứ trên đường về. Thuyền đi hơn một tháng thì đến châu Thi-la-phật-thệ, dừng lại đó cũng nhiều năm, thông hiểu ngôn ngữ ở Côn luân lại học Phạm Thư. Thúc liễm thân tâm rồi thọ giới cụ túc, ngài Nghĩa Tịnh gặp Sư ở đây, Sư bảo Đại luật về Trung quốc, vọng thỉnh ân trời. Ở phương Tây xa chùa, khi thấy lợi ích rộng lớn, xem thường mạng mà lại sâu xa. Lúc đó vào ngày 13 tháng 05 niên hiệu Thiên Thọ năm thứ ba Sư theo thuyền về Trường an. Nay phụ dịch Tập Kinh Luận mười quyển, Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện, bốn quyển, Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện hai quyển.

**Khen rằng:** tuyệt thay ấu niên, mền pháp tình vững, đã hết lòng ở Đông Hạ, lại thừa hởi chốn Tây Thiên, rồi quay về Thần châu, hoàng pháp độ sinh, truyền bá mười pháp, tuy xả bỏ huyễn thân mà chẳng mất.

Như trên là năm mươi sáu vị

Lại nói về Quy Nam Hải Truyện có bốn thầy trò.

Luật sư Trinh Cố, tiếng Phạn là Bà-la-cấp-đa, Hán dịch là Trinh Cố, là người ở Vĩnh Xuyên đất Trịnh, họ Mạnh. Mới ở độ tuổi khu ô mà đã ẩn cư trong từ môn, cho đến những năm xế bóng vẫn tâm trong vườn Tuệ. Đến năm mười bốn đã trưởng thành, biết rằng quyển thuộc ở đời khó bảo toàn, mà pháp môn thì không biến diệt, bèn khởi ý niệm đi khắp thẳng cảnh, thế là Ngài đến chỗ Pháp sư Viễn chùa Đăng Từ ở Phiếm Thủy, đều hầu gần bên thầy, ý muốn được thầy chỉ dạy cương yếu kinh điển và đọc tụng Đại thừa, cho đến lúc Sư ba mươi hai tuổi thì lên đường du hóa. Sau đó, đến các chùa ở xứ Tương châu như Lâm Lự để tìm thầy học đạo. Muốn để tâm hết vào thiên học, tự nghĩ giáo kiếm chưa trọn, khó phân biệt được lẽ chân ngụy, cho nên Sư lên đường về Đông Ngụy nghiên tâm Duy thức, rồi lại đến An châu chỗ Thiên sư Đại Du tử học Phương Đăng, chưa đầy mấy tuần thì tường mầu hiện tiền, rồi lại đến Tương châu, đi khắp núi sông, tìm thiện tri thức, mong học những điều chưa hay biết. Rồi lại đến Tương châu gặp Thiên sư Thiện Đạo thọ đà thắng hạnh Di-đà. Lúc bấy giờ muốn vứt bỏ thân này ở uế độ, ngộ theo chốn rừng thơm An Dưỡng. Lại nghĩ chỉ mình ta an mà thương cho hạnh Đại sĩ, do thức biến ra đâu chẳng phải Tịnh độ. Bèn đến chỗ Thiên sư Trường chùa Khôi giác ở Hiện sơn, mong Ngài dạy nửa chữ để hiểu được lời hoàn khí. Thiên sư liền tình nghiên luật điển, đảm nhiệm lời căn dặn về năm đức của Thế Tôn dồi mài kinh luận, phải giữ gìn bốn y cho đời sau, thiên định sâu dày, tắm nước tám giải được thắm nhuần, hươu gươm tuệ tận núi cao, hành sáu độ được thông thạo, chẳng lẫn với

năm trần, chín não chẳng nhiều, ngoài thoát bốn dòng, trong lắng ba định, pháp tục kính phục, tôn làm bậc thượng thủ, rất mong được luận chỉ, gọi về Thần độ, ở chùa Đông nước Ngụy thuộc số người học rộng. Lúc ấy, Sư trên hai mươi tuổi, thọ giới cụ túc với Thiên sư. Mới trải qua một thời gian đã thông đạt yếu cương giới luật. lại về chỗ Luật sư Tú An châu ba năm tận tâm học văn sao của Luật sư Đạo Tuyên, có thể gọi là Vấn tuyệt Ô-ba-ly. Tóm thâu các cương yếu trong năm chương, thọ giai tỳ xá nữ, thấy suốt các then chốt của bảy tụ. Luật dạy năm hạ được đi các nơi, chưa đủ tuổi mà đã sớm khế hội, mười hạ lìa y chỉ, chưa trọn tuổi mà đã tài năng. Luật sư Tú ở quận Thục được tôn là bậc Thượng túc của Luật sư, khi ngài thọ giới túc vẫn ở Thục Xuyên. Ngài học luật với Hòa-thượng bốn năm, sau đó đến Trường an, chỗ luật sư Đạo Tuyên để y chỉ, để tâm trong bình sữa. Nếu ẩm nga thì khéo biết tinh, thô, tận bình nước trí, bằng với diệu trì của hoan hỷ, lần lượt trải qua mười sáu năm không lìa hàm trượng, nghiên cứu tận cùng các bộ, tìm hiểu các triết gia, xếp các sơ của Luật sư thành tông bốn, sau đó từ già Tam dương đến Bát thủy, rồi lại về Hoàng châu báo ân đối với người đã sinh ra mình. Sau đến An châu mở mang luật giáo, Thứ sử của các vua đều tôn kính vâng mệnh Sư cho nên luật nói: nếu có Luật sư ở chung với mình thì chẳng khác ở chùa Thập lực, lúc đó trên bảy mươi tuổi Sư mới thị tịch, giới hạnh thanh bạch, tai mắt minh mẫn. Ô hô! Thời đại có người là cột trụ, là mặt trời Phật. Nối tiếp chẳng dứt, nối gót kế truyền. Quả thật đáng gọi là châu báu đất Hán, ngọc quý xứ thần linh, quy ở Xuyên khác mà cùng my, cành quế nhánh lan dẫu khác tiết mà vẫn cùng hương thơm. Luật sư Cố đã thông đạt luật điển, lại tinh tường kinh luận. Lại còn tụng Pháp Hoa, Duy ma một ngàn biến, tám tâm nối tiếp, niệm niệm hằng giữ. Ba nghiệp theo nhau, bốn nghi không thiếu, lại đến Tương châu ở chỗ Hòa-thượng, nghe lại Tô-đát-la, tìm hiểu Đối Pháp tạng. Lại thông chỗ sâu kín tiết nhật y châu, ngôi thành hóa hiện là nơi dừng nghỉ, cuối cùng phải đến đảo châu báu, cho nên sự rời Tương châu đến Lô sơn, kính mến sự thanh thoát của bậc thượng đức, ở lại Đông lâm để nêu chí. Sau đó Sư có ý muốn đến châu Sư tử, đành lẽ rằng Phật, chiêm bái các thánh tích. Vào những năm tuổi về chiều Sư bèn dời về Quế lâm đi khắp pháp đồ thỉnh Sư khai thị luật học. Lúc ấy thuộc đời Đại Đường, thánh chủ thiên hạ là phải đặt ở thầy, các nơi, rồi dẫn đến những chốn hang động thanh vắng, đồng chuyên phó cảm. Sau đó, đến Quảng phủ ở Phiên Vạn. Muốn khiến mặt trời trí tuệ sáng thêm, thuyên pháp dài hơn mà uy nghi chính là luật. Sư cũng được chúng tôn

kinh và thỉnh dạy. Sư giảng Tỳ-nại-da ở đạo tràng Tam tạng suốt trong chín hạ, cuối cùng hoàn thành bảy thiên. Sư khéo giáo dưỡng pháp đồ, giỏi khuyến khích người đời. Bảy giờ, chùa chế Chỉ cung thỉnh xà-lê, mỗi lần ở pháp tòa đích thân khuyến khích. Có thể nói một cách chân thật là khéo dẫn dắt cứu giúp cùng khắp quên đi sự lao nhọc, xà-lê là đồng chân xuất gia, hạnh cao cả tinh tiết, hơn bảy mươi tuổi mà luôn kính Năm thiên, người có phước sẽ gặp bậc thượng trí, quả thật chính là ao thiên mệnh mộng dẫn ra biển pháp, lại cùng chung sống đời. Non tưởng vời vợi, núi tuệ chót vót, thấu hiểu góc huyền, khéo ngộ nguồn tâm. Tuy thông suốt các pháp thâm vốn không nhưng công dụng lợi sinh phải chứa nhóm phước hữu vi, làm bến đò vô thượng. Nên thường viết tạng kinh, hay rộng lòng bố thí. Quả thật cũng là người mà tất cả đều biết, ứng vật cảm sinh, khuyến khích mọi người để tâm vào tạng luật. Luật sư Cố ở cùng khắp mà lại muốn đến Giáp sơn, ngõ hầu nương dưới rừng thông, rút cuộc gửi chí chốn sâu xa. Chủ chùa Mông khiêm rất trọng tân khách, chủ chùa chính là bậc đạo cao nên hiểu biết rộng, thể bao gồm sự nhân đức. Cùng kết bạn bốn biển, chẳng hề ba triệu, khuất mình tôn người dùng tâm khiêm hạ là chính. Luật sư Cố muốn dứt tướng ở sơn môn, có hoài bão muốn tạo một hành lang thẳng tắp suốt đường vượt bậc chánh tà phương tiện tạo ra núi sông, hy vọng đong tám giải trong xanh, bên cạnh mở ra cảnh giới mong muốn mở mang phương quy vào bảy nhóm, lại muốn ở mặt sau giới tràng tạo một thiên khám, lập đạo tràng Phương Đăng tu Tam-muội Pháp Hoa. Công tuy chưa hoàn mãn nhưng lòng đã quyết, nghi quỹ đã ban bố, cương mục đã hưng long, lại thường than rằng: trước không gặp cha lành, sau chưa thấy Từ tôn, ở đời sau biết làm sao khởi hạnh, đã chìm trong vực không hữu, lại trù trừ ở cửa đa sư, ngài Nghĩ Tịnh ở cửa sông Phật-thệ lên thuyền mang sách về Quảng châu. Ngài tìm giấy đen để viết kinh Phạm, đồng thời mượn người viết. Lúc ấy, người đi buôn gặp gió thuận liền căng buồm nhỏ neo đến tìm chỗ ở nhưng hết lối. Điều đó đủ biết do tài năng tô điểm chẳng phải do người mưu tính như thế, rồi vào ngày 20 tháng 07 niên hiệu Vĩnh Xương niên hiệu Ngài đến Quảng Phủ, gặp lại đạo tục. Lúc ấy, chúng ở chùa Chế Chỉ khen rằng: bốn hạnh đi Tây đã được hoàn mãn về ở Nam hải bốn kinh vẫn thiếu. Tam tạng mà Sư đem về hơn năm mươi muôn bài, đều ở Phật-thệ, cuối cùng phải trở qua mới đó đã hơn ba mươi năm. Năm tháng trôi mãi, thời gian không ngừng, thành thân xác khó giữ, giọt sương mai bỗng chốc không biết rơi về đâu. Kinh điển đã là yếu môn, ai có khả năng cùng đến đó đem về. Tùy theo các kinh



sách được dịch, tùy theo điều lãnh thọ phải có người này, chúng đều bảo rằng: cách đây không xa có vị tăng hiệu là Trinh Cố, nghiên tâm luật giáo đã lâu, chứa nhóm sự tinh thành rất sớm, phải tìm được người như vậy kể hết bạn pháp. Tôi mới nghe lời này dường như nhĩ hợp cầu tâm. Thế là tôi trang bị đủ hành lý lên đường. Luật sư Cố mở ra xem thử liền có ý đi chung. Thí như người tài giỏi ở Liêu thành bắn một phát, hạ được ba tướng, một bài kệ nhỏ của Tuyết Sơn thôi thúc chí sâu của Đại Ấn, Sư liền đến các nơi thanh vắng chốn rừng lâm, chặt cánh tay trước động đá, vén y trong chùa Chế Chỉ, vừa khởi niệm thì liền hợp ý với lòng thương vật, khi vừa cúi lạy thì đã khế hợp với hoài vọng ngày xưa. Tuy lúc bình thường chưa gặp mặt nhưng quả thật thâm hợp với nguyện xưa, cùng bên nhau thâu đêm luận bàn hành sự, Luật sư Cố đáp rằng: Đạo muốn hợp chẳng thể trung gian mà phải tự thân, thời sắp đến mà cầu ngưỡng thì không thể, ngưỡng mong cùng nhau mơ mnag ba tạng, giúp một ngọn đuốc thành nghìn đèn. Thế rồi Sư trở lại Giáp Sơn nói lời chia tay với chủ chùa Khiêm. Chủ chùa vẫn tùy cơ mà làm, không hề lưu luyến. Sư kể sự cảm hoài đều giúp cho sự tùy hỷ, không nghĩ đến việc thiếu thốn của mình, chỉ chuyên tâm giúp ích cho người. Đó là tư lương để khiến không thiếu hụt. Khi đến Quảng phủ thì tăng ni, Cư sĩ cúng dường phẩm vật cho Sư. Vào ngày 01 tháng 11 năm đó Sư theo thuyền đến phiến vạn lên thuyền về Chiêm-ba rồi tiến thẳng đến Phật-thệ, xây nấc thang để nuôi dưỡng, chứa đựng sinh linh, vì muốn làm mũi thuyền giữa biển. Tình yêu con người được thuận duyên, ngõ hầu không phế bỏ ở đường dài, lúc đó Sư bốn mươi tuổi.

**Khen rằng:** Bậc thí gieo nghiệp, vốn từ nhân trước, tuổi thơ tâm hồn nhiên, chỉ có phước báo làm thân, chí cầu người hơn mình, ý nương những bậc trí tuệ nhân từ, chẳng phải hương thơm trong việc lợi thì chắc thật yêu những thứ quý báu, thọ trì diệu điển, trình minh cố ý, đại thiện đôn tâm, lỗi nhỏ đã hết lòng có tâm thoát đực, không cầu vinh hoa. Nếu ở trong thời chẳng thiếu một sợi lông. Cùng vượt Tận định thì chẳng phí chút hương sắc, giả từ bể vinh hoa, độc hành trên Hán âm tìm bậc hiền triết làm nghĩa vụ. Tìm hiểu luật giáo, hiểu hết cương lĩnh, càng đi vào chỗ sâu kín. Rất muốn đến chỗ cây giác, bèn nương lê ở Quế Lâm, thoải lòng nơi hang Giáp, đặc chí chốn Quảng xuyên. Sau đó tìm hết những văn xưa ở Đông Hạ, rồi lại muốn thỉnh tâm giáo ở Nam thiên, hy vọng mở mang những điều chưa khai mở, truyền bá những pháp chưa được truyền. Đáng mừng thay, người tráng sĩ này, có thể quên mình vì người, vì muốn tìm bạn tốt mà lặn lội đến Kim châu, khéo giữ gìn giới

hạnh, tìm bạn tốt là để nâng đỡ nhau, đìu dắt lẫn nhau, chỉ mong đạt được nguyện vọng truyền đăng, cũng không thẹn sinh ra vào thời đại muôn màng, đã đến Phật-thệ thì khế hợp nguyện xưa, được nghe các pháp chưa nghe, được xem những cảnh chưa thấy. Hễ dịch được bao nhiêu thì thọ trì bấy nhiêu, thấu suốt sự thông bí, mới thấy mới biết, tỏ tường việc khai chế, học rộng hiểu sâu, thường khuyến khích người sơ tâm, lòng thường khiêm cung, chẳng sợ số chết, chỉ ngại chúng nhiều thì sự việc loạn, bèn tìm nơi vắng vẻ để giúp nhau. Dù một ngọn đuốc cũng thuận gió thì đến như nghìn ngọn đèn cũng chẳng bằng được.

Lại nữa, Sư có một người đệ tử họ Mạnh, tiếng Phạm là Tăng-già-Đề-bà, tổ tiên Sư vốn ở miền Bắc. Vì việc quan nên đến ở Lĩnh ngoại, vợ con Sư ở Quảng phủ, Sư có tâm mến pháp nên bỏ nhà tìm thầy học đạo. Mặc dù tuổi mới trưởng thành nhưng chí nguyện muốn đi khắp nơi mở mang Phật pháp, tham kiến sư chủ, có ý, hoằng pháp tâm liền theo hạnh, từ già cha mẹ, lưu lạc trên biển đến nước Phật-thệ, hiểu tiếng Côn luân, lại học Phạm thư, đọc hệ luận câu xá. Tuy nhờ vào Nhất lập mà mong mỏi ở nghìn dặm, thường siêng năng suy nghĩ chín chắn, hy vọng nương theo dấu mà sinh cỏ non, còn làm thị giả để cống hiến cho sự nghiệp phiên dịch, thọ bảy mươi tuổi.

**\* Tỳ-kheo Đạo Hoàng:**

Tiếng Phạm là Phật-đà-Đề-bà (đời Đường dịch là Giác Thiên) là người xứ Ung Khâu ở Biện châu, họ Cận, cha Sư vốn làm người đi buôn nên về phương Nam, đi mãi đến Tam giang rồi vượt qua Ngũ lãnh. Sau đó đến Thiều bộ rồi đến Giáp sơn, nhìn thấy vẻ thanh hư của hang động, ngắm nhìn cảnh vắng lặng của sông nước. Gặp thiện tri thức khoác áo nâu sòng. Bấy giờ, Đạo Hoàng tuổi còn nhỏ, đảm nhiệm gia phong nên phiêu bạt đó đây, theo thầy đến Quế lâm để định tưởng, sang U quyền để lắng tâm. Cha là Thiên sư Đại Cảm nên Sư bèn đến chỗ Thiên sư tịch học, bí tâm quan, trải qua thời gian không lâu lại thông thạo nghĩa yếu, Sư trở về Giáp cốc. Đạo Hoàng theo cha cũng xuất gia luôn. Khi năm lên hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc, qua lại Quảng phủ, ra vào Sơn môn. Tuy tuổi tác chưa cao mà chí khí cao khiết. Khi nghe ngài Nghĩa Tịnh đến phó hội ở đạo tràng Trạng nghiêm, hỏi thăm thì biết chỗ Sư ở là Chế Chỉ, vừa đến kính lễ thì biết đã khế hợp với tâm hạnh. Lại nghĩ đến bên bờ sinh tử quả thật không luận đến tánh mạng, nghe nói ngọn sóng ngút trời, xem như ao nhỏ, nhìn thấy cá hình nằm ngang giữa biển, cứ cho nó đồng như lươn trạch, muốn tìm đến nơi xa xăm nói lời từ biệt với sơn

đình, cùng về Phủ hạ với sư Trinh Cố. Sau đó trọn chí ở Nam hải, rồi cùng nhau đến Kim châu sao chép Ba tạng, công đức bao trùm cả ngàn năm, căn trí sáng suốt, bảm tánh ôn hòa, rất khéo thảo lộ, lại thông thạo Lão Trang. Thế hội được thiên hoang đường của Tề vật, biết được thuyết vu vơ của chỉ mã, không nhờ sông mà qua được, lâm vào cảnh đáng sợ mà khéo ứng biến, tuy công phu chưa hợp với di chiếu nhưng cuối cùng có đức của người xuất chúng, người xuất chúng đâu nói gì việc cầu pháp quên thân, không nói vui mà thực sự được vui, không hề gằn gūi mà trở nên gằn gūi. Hy vọng tất cả sinh linh cũng giống như mình, đâu như con chó Tài Sô mà hành nhân. Khi đến Phật-thệ thì dốc lòng nghiên cứu luật tạng. Hễ được dịch bao nhiêu thì ghi bấy nhiêu, truyền đăng làm kỳ vọng. Trau dồi làm cho hạt ngọc quý rực bóng, cầu sự viên thành của vắng lặng.

Bỏ bao chướng nạn ở bờ sinh, rốt cuộc sự nghiệp lớn của ta được thành tựu là nhờ vị Sư này. Lành thay người đã nhổ sạch gốc mê ở dòng sinh tử để đạt được cội phước vô lượng. Năm đó Sư hai mươi ba tuổi.

**\* Tỳ-kheo Pháp Lăng:**

Tiếng Phạm là Đạt-ma-Đề-bà, đời Đường dịch là Pháp Thiên. Sư là người Tương đương ở Tương châu, ở chùa Linh Tập, Sư tên là An Thật, sinh ra trong một gia đình gia giáo lễ nghi, dòng dõi nhiều đời làm quan. Xuất gia từ thuở ấu niên siêng năng tu hành. Sau đó từ giả quê hương đến Lĩnh nam. Ngài Nghĩa Tịnh đến Phiên ngưng báo cho biết hành lý. Tuy sở học chưa cao nhưng rất sâu sắc.

Ý muốn theo Ngài đến Thượng hải, đi hơn một tháng thì đến Phật-thệ, đi đến rồi cũng tu hạnh nghiệp này. Sớm tối chuyên tâm, học bí điển Nhân Minh. Sớm hơn tinh tấn nghe tông mầu của Câu-xá, chẳng bao lâu một đợt đã nghiêng, há chẳng sụp của ngọn Ba tạng đã thuần thành, phát thảo thành năm thiên, chẳng nề mệt nhọc, tánh thức thông minh. Lại nữa, chí nguyện muốn hoằng pháp, sao chép luôn không biết mệt mỏi, khát thực để nuôi thân, và chỉ có ba y bên mình. Vai trần chân đất, tôn tu thượng nghi. Tuy chưa thành giác lập nhưng rốt cuộc có công nang chùy. Nói về bạn bè đồ chúng ai cũng muốn mong mỗi niềm vui cho riêng mình nhưng với Sư thì chuyên tâm ở việc lợi sinh làm vui. Kính cẩn đâu mới chuyên tâm ở lý mầu. Nếu phát triển rộng rãi lòng thương người thì mong sáng tỏ ở Từ thị, lúc ấy Sư hai mươi tư tuổi.

Bốn người cùng đi với nhau như ngài Trinh Cố, v.v... sau đó, theo thuyền cùng đến Phật-thệ, học kinh ba năm, Phạm Hán dần thông, Pháp

Lãng phải trở về nước Ha-lãng, ở đó một mùa hạ mắc bệnh rồi qua đời. Tiếc thay sự nghiệp tu hành, tiếc ở Phật-thệ không trở về thiên ngộ, chỉ có Trinh Cố, Đạo Hoằng đi với nhau trở về Quảng phủ, vị nào cũng ở đó một thời gian khá lâu. Ngài Trinh Cố giảng bảy luật giáo ở đạo tràng Tam Tạng, chưa đầy ba năm thì bị bệnh rồi mất. Đạo Hoằng một mình trở về Lĩnh Nam. Than ôi! Bốn người cũng phiêu bạt trên sóng nước, cố gắng tha thiết muốn thắp ngọn đuốc pháp nhưng ai ngờ nghiệp lực lại ngăn, thường bị trở ngại sự đi ở, mỗi lần nhớ đến thương xót khôn cùng. Điều đó đủ biết như kỳ lân khó thành mà hiểm mệnh dễ mất. Tất cả ruộng phước đều ban bố, pháp hội đầu tiên của Long hoa cùng thoát khỏi trần lao.

